

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 15/4/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ngọc Hoàng

2. Ông Lê Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T – Sinh năm: 1986

Nơi ĐKKHKT: TDP H, Thị trấn P, huyện C, Thanh Hóa

Nơi ở hiện tại: Thôn L, xã P, huyện C, Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm: 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố H, Thị trấn P, huyện C, Thanh Hóa

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 21, Phân trại số 2, Trại giam T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T lấy nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là Thị trấn P), hai bên lấy nhau là tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới nhau sau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không chịu khó làm ăn, chơi bời lêu đẽ, cờ bạc, nghiện hút và xa vào các tệ nạn xã hội khác. Hiện nay anh T đang phải chấp hành án tại Trại giam T về tội Trộm cắp tài sản, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải

quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Anh Đ, sinh ngày: 13/4/2007. Nay ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T: Hiện nay anh T đang chấp hành tại Trại giam T nên không thể có mặt tại Tòa án để làm việc được. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T đảm bảo quy định của pháp luật. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2022, tại Trại giam T anh Nguyễn Văn T có ý kiến trình bày thống nhất với nội dung đơn xin ly hôn của chị T. Nay chị T muốn ly hôn, anh nhất trí. Về con chung: Anh T nhất trí giao cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 13/4/2007 cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147 điều 271 và điều 273 Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 81; điều 82; điều 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh T. Đề nghị giao cháu Anh Đ cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Buộc chị T phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Th làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố H, Thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đang chấp hành án tại trại giam T, nên anh không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án được. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các văn bản tố tụng, đồng thời tiến hành lấy lời khai của anh T đảm bảo quy định của pháp luật. Như vậy về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân huyện C đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo quy định. Anh

Nguyễn Văn T, chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh T.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về Hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là thị trấn P), huyện C, Thanh Hóa, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống giữa chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay, do anh T không tu trí làm ăn, xa vào các tệ nạn xã hội. Nay chị T làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý, không có ý kiến gì khác. Chính quyền địa phương cũng xác nhận, anh T và chị T lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là Thị trấn P), huyện C, hiện tại anh T đang đi chấp hành án tại Trại giam T là đúng thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T

[4] Về con chung: Chị T và anh T đều thống nhất vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 13/4/2007. Chị T có nguyện vọng được nuôi con. Anh T cũng đồng ý giao con cho chị T. Cháu Anh Đ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần áp dụng cần giao cháu Anh Đ cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 228; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị T. Xử cho chị T được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 13/4/2007 cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010291, ngày 15/02/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THADS H.C
- UBND Thị trấn P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Thị Dung